

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2018

Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.

Ông Nguyễn Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 327/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Huy B**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố T, Phường 5, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Ngọc G**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố T, Phường 5, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông B có mặt, bà G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2017 và các lời trình bày của ông Lê Huy B có nội dung:

Năm 2004, ông quen biết và kết hôn với bà Phạm Thị Ngọc G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Ông và bà G chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về

tiền bạc nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà G.

Về con chung: Ông và bà G có 02 con chung tên Lê Trọng P sinh ngày 19/01/2005 và Lê Phú S sinh ngày 02/02/2008. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, bà Phạm Thị Ngọc G, đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà G không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của bà đối với yêu cầu ly hôn của ông B. Phiên tòa hôm nay, bà G cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Dại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về tình cảm: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà G đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B.

Về con chung: Ông B yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung, bà G không có ý kiến nên cần chấp nhận yêu cầu của ông B.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Huy B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Ngọc G có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn là bà Phạm Thị Ngọc G: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập bà G đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà G không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt bà G là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Huy B và bà Phạm Thị Ngọc G tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang năm 2004 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của ông B thì vợ chồng phát sinh mâu

thuần về tiền bạc nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà G được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc ông B yêu cầu ly hôn với bà nhưng bà không có văn bản thể hiện ý kiến của bà là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông B. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà G và ông B đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà G và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông B là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông B và bà G có hai (02) con chung tên Lê Trọng P sinh ngày 19/01/2005 và Lê Phú S sinh ngày 02/02/2008. Thấy rằng, hai con chung hiện đang sống với ông B. Ông B có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung. Bà G cũng không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử nhận thấy tiếp tục giao con chung cho ông B nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung, không buộc bà G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Bà G được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông B, bà G có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Huy B, cho ông Lê Huy B ly hôn với bà Phạm Thị Ngọc G.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Trọng P sinh ngày 19/01/2005 và Lê Phú S sinh ngày 02/02/2008 cho ông Lê Huy B nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị Ngọc G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Thị Ngọc G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông Lê Huy B, bà Phạm Thị Ngọc G có

quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: ông Lê Huy B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001506 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thành án phí dân sự sơ thẩm, ông B đã nộp đủ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh